

# KINH VÔ NGÃ TƯỞNG (ANATTALAKKHANA SUTTA)

## Thiện Nhựt

*Bài Thuyết trình tại Khoá Nghiên tu An cư,  
Tổ Đình Từ Quang, Montréal, Canada,  
Tháng Bảy, 2002*

### MỤC LỤC

#### [01] NHẬP ĐỀ

Kinh văn  
Đại ý  
Phân đoạn  
Giải nghĩa  
Xuất xứ

#### [02] KHAI TRIỂN

I.- Quan niệm thông thường về cái Ta.

- 1.- Bốn tướng *ngã, nhơn, chúng sanh và thọ giả* trong Kinh Kim Cang.
- 2.- Ngã tướng ẩn sâu trong tâm.
- 3.- Ngã tướng biểu hiện ra thế nào?
- 4.- Ngã tướng sanh ra ba tướng kia.
- 5.- Tà kiến: ngã kiến, thân kiến.

- A.- Quan niệm thông thường về "con người"  
B.- Trên thực tế, "cá nhơn" chẳng thực sự có  
C.- Thân kiến, Ngã kiến là tà kiến.

II.- Phương pháp chứng minh của Đức Phật về sự chẳng có cái Tự ngã.

- 1.- Sắc là vô ngã
- 2.- Thọ là vô ngã
- 3.- Tưởng, Hành, Thức cũng đều vô ngã

III.- Quán chiếu năm uẩn là vô thường, khổ, và chịu sự biến đổi.

- 1.- Thế nào là Như thật quán?
- 2.- Quán Sắc là vô thường, khổ, biến đổi
- 3.- Quán bốn uẩn kia là vô thường, khổ, chịu sự biến đổi.
- 4.- Quán năm uẩn theo 11 phương diện.
- 5.- Tích chuyện công chúa Gia nhã ba.

IV.- Hiệu lực của bản Kinh và cách Hành trì.

- 1.- Hiệu lực của Kinh Vô Ngã Tướng.
- 2.- Hiệu lực: Tâm giải thoát.
- 3.- Bồ tát Kinh Chuyển Pháp Luân.
- 4.- Hành trì.
- 5.- Con đường ngắn: điều phục các căn
- 6.- Làm thế nào để chẳng chấp thủ?

### [03] KẾT LUẬN

\* \* \*

## Kinh Vô Ngã Tướng (Anattalakkhana Sutta)

[01]

### NHẬP ĐỀ

*Kinh Vô Ngã Tướng là bản Kinh thứ hai do Phật thuyết giảng, sau Kinh Chuyển Pháp Luân.*

Sau ngày Thành Đạo dưới cội cây Bồ đề, tại Bồ đề đạo tràng, Đức Phật Thích ca đi về miền Nam, đến xứ Ba la nại, tìm năm anh em ông Kiều Trần Như, để thuyết giảng Chánh Pháp cho họ nghe.

Tại vườn Lộc Uyển, Ngài giảng Kinh Chuyển Pháp Luân cho năm vị tu sĩ trước đây đã từng sống chung với Thái tử Tất đạt ta khi còn theo pháp tu Khổ hạnh. Trong bản Kinh Chuyển Pháp Luân, Đức Phật đã chỉ rõ con đường Trung Đạo, trình bày cặn kẽ bốn Chơn lý Nhiệm mầu (*Tứ Diệu Đế*) và con đường đưa tới Thánh quả, thoát khỏi cảnh Luân hồi và chứng đắc Niết Bàn, tức là Bát Chánh Đạo. Sau thời pháp, ông Kiều Trần Như (*Kondanna*) chứng được quả vị Tu đà hườn.

Bốn vị tu sĩ kia là các ông Bà-sa-ba (*Vappa*), Bạt-đề (*Bhaddiya*), Ma-ha-nam (*Mahanama*) và Át-bệ (*Assaji*) vẫn chưa chứng quả. Đức Phật liền lưu lại đây và giảng tiếp Kinh Vô Ngã Tướng, nhằm mục đích giúp cho bốn vị tu sĩ còn lại được bước vào giòng nước Thánh. Như thế, Kinh Vô Ngã Tướng chính là bản kinh thứ nhì trong Tam Tạng Kinh Điển vậy.

\* \* \*

### Kinh văn

1) Một thời Thế tôn ở Bārānasi (Ba la nại) tại Isipatana (Chư Tiên đạo xứ), vườn Lộc Uyển.

2) Ở đây, Thế tôn nói với đoàn năm vị Tỳ kheo: "Này các Tỳ kheo". - Thừa vâng, bạch Thế tôn." Các Tỳ kheo ấy vâng đáp Thế tôn. Thế tôn nói như sau:

3) - SẮC, này các Tỳ kheo, là vô ngã. Này các Tỳ kheo, nếu sắc là ngã, thì sắc không thể đi đến bệnh hoạn, và có thể được các sắc như sau: "Mong rằng sắc của tôi là như thế này! Mong rằng sắc của tôi chẳng phải như thế này!"

4) Và này các Tỳ kheo, vì sắc là vô ngã, do vậy, sắc đi đến bệnh hoạn, và không thể có được các sắc: "Mong rằng sắc của tôi như thế này! Mong rằng sắc của tôi chẳng phải như thế này!"

5) Thọ, nầy các Tỳ kheo, là vô ngã. Nầy các Tỳ kheo, nếu thọ là ngã, thì thọ không thể đi đến bệnh hoạn, và có thể được thọ như sau: "Mong rằng thọ của tôi như thế này! Mong rằng thọ của tôi chẳng phải như thế này!"

6) Và nầy các Tỳ kheo, vì thọ là vô ngã, do vậy, thọ đi đến bệnh hoạn, và không thể có được các thọ: "Mong rằng thọ của tôi như thế này! Mong rằng thọ của tôi chẳng phải như thế này!"

7) Tướng là vô ngã...

8) Các hành là vô ngã, nầy các Tỳ kheo, nếu các hành là ngã, thì các hành không thể đi đến bệnh hoạn, và có thể được các hành như sau: "Mong rằng các hành của tôi như thế này! Mong rằng các hành của tôi chẳng phải như thế này!"

9) Và nầy các Tỳ kheo, vì các hành là vô ngã, do vậy, các hành đi đến bệnh hoạn, và không thể có được các hành như sau: "Mong rằng các hành của tôi như thế này! Mong rằng các hành của tôi không phải như thế này!"

10) Thức là vô ngã, nầy các Tỳ kheo, nếu thức là ngã, thì thức không thể đi đến bệnh hoạn, và có thể có được thức như sau: "Mong rằng thức của tôi như thế này! Mong rằng thức của tôi chẳng phải như thế này!"

11) Và nầy các Tỳ kheo, vì thức là vô ngã, do vậy, thức đi đến bệnh hoạn, và không có thể có được thức: "Mong rằng thức của tôi như thế này! Mong rằng thức của tôi chẳng phải như thế này!"

12) Nầy các Tỳ kheo, các ông nghĩ thế nào? Sắc là thường hay vô thường?

- Là vô thường, bạch Thế tôn.

- Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

- Là khổ, bạch Thế tôn.

- Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, có hợp lý chăng khi quán cái ấy là: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi?"

- Thưa không, bạch Thế tôn.

13 - 15) - Thọ... Tướng... Các hành...

16) Thức là thường hay vô thường?

- Là vô thường, bạch Thế tôn.

- Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

- Là khổ, bạch Thế tôn.

- Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, có hợp lý chăng khi quán cái ấy là: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi?"

- Thưa không, bạch Thế tôn.

17) - Do vậy, nầy các Tỳ kheo, phạm sắc gì quá khứ, vị lai, hiện tại, thuộc nội hay ngoại, thô hay tế, liệt hay thắng, xa hay gần; tất cả sắc cần phải như thật quán với chánh trí huệ như

sau: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải là tự ngã của tôi."

18) Phàm thọ gì...

19) Phàm tưởng gì...

20) Phàm các hành gì...

21) Phàm thức gì quá khứ, vị lai, hiện tại, thuộc nội hay ngoại, thô hay tế, liệt hay thắng, xa hay gần; tất cả thức cần phải như thật quán với chánh tri huệ như sau: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải là tự ngã của tôi."

22) Thấy vậy, này các Tỳ kheo, bực Đa văn Thánh đệ tử yếm ly đối với sắc, yếm ly đối với thọ, yếm ly đối với tưởng, yếm ly đối với các hành, yếm ly đối với thức. Do yếm ly, vị ấy ly tham. Do ly tham, vị ấy giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên: "Ta đã được giải thoát." Vị ấy biết rõ: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa."

23) Thế tôn thuyết như vậy. Nhóm năm vị Tỳ kheo hoan hỷ, tín thọ lời Thế tôn dạy. Trong khi lời dạy này được nói lên, tâm của nhóm năm vị Tỳ kheo được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ.

(Đại Tạng Việt Nam: Tương Ứng Bộ Kinh, Quyển 3, Phẩm Tham Luyến, VII, trang 125 129 - Tạng Pali: Samyutta Nikaya, S,iii, 66)

\* \* \*

### **Đại ý**

Nhằm mục tiêu phá sự chấp ngã cứ tin tưởng sai lầm thân tâm này chính là Ta, Đức Phật giảng Kinh Vô Ngã Tướng cho năm vị Tỳ kheo nghe, chỉ rõ cách quán sát như thật rằng thân tâm năm uẩn vốn chẳng phải là Ta, chẳng phải là của Ta, chẳng phải là Tự ngã của Ta.

Xin nhắc lại, trong Kinh Chuyển Pháp Luân, Đức Phật dạy:

- Nơi Khổ đế: ...Tóm lại, năm thủ uẩn là khổ.

- Nơi Tập đế (nguyên nhân gây ra đau khổ): ...chính là ái này đưa đến tái sanh, cấu hữu với hỷ và tham, tìm cấu hữu lạc chỗ này chỗ kia. Tức là dục ái, hữu ái, phi hữu ái.

- Nơi Diệt đế: ... chính là sự ly tham, đoạn diệt, không có dư tàn khát ái ấy, sự quảng bỏ, từ bỏ, giải thoát, không có chấp trước.

Trong Kinh Vô Ngã Tướng này, tiếp theo Kinh Chuyển Pháp Luân, Đức Phật vạch rõ thêm:

- Nơi thân tâm năm uẩn này, sắc, thọ, tưởng, hành, thức, vì đưa đến Khổ, Bệnh hoạn, nên chẳng phải là Ta.

- Đối với mỗi uẩn, Ta chẳng thể điều khiển chúng, khiến cho chúng theo ý muốn của Ta, nên năm thủ uẩn chẳng phải là Ta.

- Năm uẩn là vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, cho nên chúng chẳng phải là Ta.

Kinh Vô Ngã Tướng dạy: Khi đã quán sát đúng như thật rằng thân tâm năm uẩn chẳng phải là Ta, hành giả sanh ra nhàm chán (=yếm ly) đối với năm uẩn và do đó rời được sự tham ái mà

giải thoát khỏi các lậu hoặc.

Tóm lại, Kinh Vô Ngã Tướng bổ túc cho Kinh Chuyển Pháp Luân, vạch rõ đường lối phá bỏ sự cố chấp bám vào thân tâm năm uẩn này, lấy đó là cái *Ta*, cái *Tự ngã*, vốn chẳng có thật và là một tà kiến cần phải quét sạch khỏi tâm thanh tịnh.

\* \* \*

### **Phân đoạn**

Kinh văn ghi trong Đại Tạng được chia ra làm 23 tiểu đoạn, mỗi tiểu đoạn có đánh số thứ tự. Nay xin sắp xếp các tiểu đoạn lại thành các mục chánh, như sau:

I.- Trường hợp nào Đức Phật nói Kinh Vô Ngã Tướng: các tiểu đoạn 1) và 2)

II.- Năm uẩn là vô ngã:

- a.- *Sắc là vô ngã*: các tiểu đoạn 3) và 4)
- b.- *Thọ là vô ngã*: các tiểu đoạn 5) và 6)
- c.- *Tướng là vô ngã*: tiểu đoạn 7)
- d.- *Các hành là vô ngã*: các tiểu đoạn 8) và 9)
- e.- *Thức là vô ngã*: các tiểu đoạn 10) và 11)

III.- Năm uẩn là vô thường, khổ, chịu sự biến hoại:

- a.- Quán *Sắc là vô thường*,...: tiểu đoạn 12)
- b.- Quán *Thọ, Tướng, các Hành là vô thường*: các tiểu đoạn từ 13) đến 15)
- c.- Quán *Thức là vô thường* : tiểu đoạn 16)

IV.- Quán niệm như thật mười một phương diện của năm thủ uẩn:

- a.- *Sắc*: tiểu đoạn 17)
- b.- *Thọ, Tướng, Các Hành*: các tiểu đoạn 18), 19), 20)
- c.- *Thức* : tiểu đoạn 21)

V.- Lý Vô Ngã đưa đến sự nhầm chán năm uẩn, dẫn đến sự ly tham và tiến tới giải thoát: tiểu đoạn 22)

VI.- Hiệu quả của bản Kinh: năm vị Tỷ kheo được giải thoát khỏi các lậu hoặc: tiểu đoạn 23).

\* \* \*

### **Giải Nghĩa**

Chiếu theo Kinh văn, xin lần lượt tìm hiểu Nghĩa các danh từ chuyên môn về Phật học.

*Kinh Vô Ngã Tướng*:

*Kinh* = bản văn ghi chép lại lời Đức Phật hay các vị Bồ tát thuyết giảng về giáo lý cùng các đường lối tu tập. *Tam tạng Kinh điển* = ba giỏ Kinh, gồm có: (1) *Luật tạng*, ghi chép các điều giới luật do Đức Phật đặt ra mà người tu hành phải tuân theo; (2) *Kinh tạng*, gồm có các bộ nhiều bản Kinh, *Trường Bộ Kinh*, *Trung Bộ Kinh*, *Tương Ứng Bộ Kinh*, *Tăng Chi Bộ Kinh* và *Tiểu Bộ Kinh*; (3) *Luận Tạng*, gồm có *Vi diệu pháp (A tỳ đạt ma)* và các bản luận giải thích rõ thêm các điều chỉ dạy trong Kinh tạng.

*Vô Ngã Tướng*: Vô = chẳng có; Ngã = Ta; Tướng = hình tướng. *Vô Ngã Tướng* = chẳng có cái Ta, chẳng phải là Ta, chẳng phải là Tự Ngã của Ta. Nói cách gián dị cho dễ hiểu, Kinh này chứng tỏ rằng *thân tâm* con người chẳng phải là *Ta*; nơi thân tâm này chẳng có cái chỉ tính túy, thường còn, bền chặt để gọi đó là cái *Ta*; trong thân tâm năm uẩn, chẳng có một uẩn nào đứng làm chủ thể để gọi đó là *Ta* cả.

*Một thời, Thế tôn ở Bārānasi...*: Thông thường, mỗi bản Kinh đều mở đầu bằng câu: *Tôi nghe như vậy (Nur thị ngã văn)*, đó là lời Ngài A nan, thị giả của Đức Phật Thích ca, đã nghe Kinh và nhắc lại. Vì bản Kinh này được nói vào lúc Đức Phật vừa mới thành đạo, ngài A nan còn chưa đi tu, nên chẳng thấy ghi câu nói trên. *Một thời*, ở đây, căn cứ theo lịch sử Phật giáo, đó là vào khoảng đôi ba ngày sau khi Đức Phật thuyết giảng Kinh Chuyển Pháp Luân vào đêm trăng tròn tháng Bảy, dương lịch.

*Thế tôn*: *Thế* = thế gian; *tôn* = tôn kính. *Thế tôn* là bậc được cả thế gian, Trời và Người, đều tôn trọng. Đây là một trong mười danh hiệu của Đức Phật. Lúc Ngài còn tại thế, các đệ tử của Ngài gọi Ngài là *Thế tôn*, còn Đức Phật, Ngài tự xưng là *Nur Lai*.

*Bārānasi (Ba la nại)*: tên cũ của thành phố Varanasi, thuộc tiểu bang Utta Pradesh, Ấn độ, nằm bên bờ sông Hằng. Nơi đây có nhiều thánh tích Phật giáo.

*Isipatana*: vườn Chur Tiên đọa xứ; tục truyền nơi đây xưa kia có nhiều vị Tiên bị đọa đã tu hành đắc đạo.

*Vườn Lộc Uyển*: vườn nai; *Lộc* = con nai; *Uyển* = vườn hoa

*Năm vị Tỳ kheo*: *Tỳ kheo* = tu sĩ Phật giáo, âm chữ Pali là *Bhikkhu*, người xuất gia đi tu, thọ 250 giới cấm. Năm vị Tỳ kheo này trước kia đã tu theo phép khổ hạnh cùng với Sa môn Cổ đàm (tên của Đức Phật Thích ca khi chưa thành đạo). Đó là các Ngài: Kiều trần như, Bà sa ba, Bạt đề, Ma ha nam và Át bệ.

*Tiểu đoạn 1*) và 2): Hai tiểu đoạn mở đầu bài Kinh cho biết trong trường hợp nào Đức Phật đã thuyết giảng Kinh này. Theo giáo lý Đại Thừa, tiểu đoạn 1) được gọi là *thông tự* có ghi *lục chúng chứng tin: tin, văn, thời, chủ, xứ, chúng*; ở Kinh này chỉ có 4 chứng tin: thời (*Một thời*), chủ (*Thế tôn*), xứ (*Ba la nại, vườn Lộc uyển*), chúng (*năm vị Tỳ kheo*); còn thiếu 2 chứng tin: *tin* và *văn* (*Tôi nghe như vậy*). Tiểu đoạn 2) được gọi là *biệt tự*.

[*Thông tự* là tựa chung cho mọi bản kinh. *Biệt tự* là tựa riêng cho một bản kinh. *Lục chúng chứng tin* là sáu loại bằng chứng minh bản Kinh thật sự đã được Phật giảng, vào lúc nào, tại đâu, có ai tham dự nghe.]

*Sắc* = hình sắc, tức là hình thể và màu sắc. Nghĩa rộng của *sắc* là phần vật chất. Ở đây chữ *Sắc* lại có nghĩa là *sắc thân*, tức là thân thể vật chất có đầy đủ các giác quan và bộ phận.

*Vô ngã* = chẳng phải là *Ta*.

*"Mong rằng sắc của tôi là như thế này... chẳng phải như thế này"*: Câu này hàm ý rằng: *tôi muốn sắc của tôi chiều theo ý muốn của tôi mà trở nên như thế này, (phải tốt đẹp hơn); hoặc sắc của tôi phải theo lệnh của tôi mà chẳng trở nên như thế này, (đừng quá xấu xí như vậy)*. Nói cách khác, *Sắc là vô ngã, chẳng phải là Ta*, vì *Sắc* đâu có chịu làm theo ý muốn của *Ta*, đâu chịu cho *Ta* sai khiến nó, đâu tuân theo lệnh của *Ta*.

*Thọ* = cảm thọ, cảm giác, tức là sự hay biết nơi thân tâm có các cảm giác như nóng, lạnh, đau nhức, tê, sung sướng, khổ sở, hay mê mễ, v.v... Phật học phân biệt ba loại *cảm thọ*: (1) *khổ thọ* (= cảm giác khó chịu), (2) *lạc thọ* (= cảm giác thoải mái, sung sướng) và (3) *thọ vô ký* (= cảm giác trung hoà, chẳng vui mà cũng chẳng khổ).

*Tương* = tư tưởng, tri giác, tức là những ý tưởng khởi lên trong tâm, như có sự tiếp xúc giữa năm giác quan với cảnh vật bên ngoài, và giữa ý với ý căn bên trong tâm. *Tương* còn gọi là *niệm*: *chánh niệm* là ý niệm chơn chánh; còn *vọng tưởng* là ý niệm sai lầm.

*Hành* = hành động, tức là những việc làm xảy ra ở bên ngoài, bằng lời nói hoặc bằng động tác, và ở bên trong, bằng ý nghĩ. Ý nghĩ khởi sanh trong tâm, khiến cho tâm trở nên động, đó là *tâm hành*. Những hình thức chuyển động của tâm còn được gọi là *tâm sở*; có tất cả 52 *tâm sở*; vì thế nên trong Kinh này gọi là *các hành* (tiểu đoạn 8) ).

*Thức* = sự hay biết xảy ra trong tâm. Do sự tiếp xúc giữa *con mắt* (*nhãn căn*) với *cảnh vật* bên ngoài, xảy ra *nhãn thức*, nếu có sự chú tâm nhìn đến. Có 6 thức: *nhãn thức*, *nhĩ thức*, *tị thức*, *thiệt thức*, *thân thức*, và *ý thức*. Giáo lý Đại thừa có thêm *mạt na thức* (còn gọi là *truyền tổng thức*, thức thứ bảy này khiến ta *chấp ngã*); và *a lại da thức* (còn gọi là *tàng thức*, nơi lưu trữ các *chủng tử* thiện và ác đã gây ra trong quá khứ).

Các tiểu đoạn từ 3) đến 11) xét đến *năm thủ uẩn*: *sắc uẩn*, *thọ uẩn*, *tương uẩn*, *hành uẩn* và *thức uẩn*.

*Thủ uẩn* = còn gọi là *ám*. *Thủ* = bám chặt vào; *uẩn* = tập hợp lại thành nhóm, có tánh cách che mờ.

Vì con người cứ bám vào năm thủ uẩn, cho đó là *Ta*, nên Đức Phật trong các tiểu đoạn vừa qua chứng minh cho ta thấy, *chẳng có uẩn nào là của Ta, là Ta, là tự ngã của Ta cả*.

*Tự ngã*: *Tự* = chính mình; *Ngã* = Ta. Chữ *tự ngã* ám chỉ phần tinh túy, cốt lõi ở tận bên trong còn lại sau khi đã bỏ các phần phụ thuộc đi, mới gọi đấy là cái *Ta* thật sự.

Trong câu "... *chẳng phải là CỦA TA, chẳng phải là TA, chẳng phải là TỰ NGÃ của TA*", nên nhận rõ sự tiệm tiến (gia tăng dần dần thêm lên) trong ý niệm: từ *của Ta* (= *Ngã sở*), là vật, hay việc ở bên ngoài *Ta*, đến ngay trên chính thân *Ta* (= *Ngã*), cho chí đến phần tinh túy, cốt lõi bên trong *Ta* (= *Tự Ngã của Ta*). Nói cách khác, (1) *là của Ta*, thì còn bên ngoài *Ta*, (2) *là Ta*, thì đang ở trên thân *Ta*, (3) *là Tự ngã của Ta*, thì đã đến phần cốt lõi là *Ta* rồi; nếu bỏ cái *Tự ngã của Ta* đi, thì chẳng còn gì hết rảo để có thể gọi được đó là *Ta* nữa.

*Vô thường*: *Vô* = chẳng có; *Thường* = thường còn, có đó hoài hoài. *Vô thường* là bị biến đổi, chẳng hằng còn; nay có đó, mai lại mất đi.

*Khổ* = đau khổ, chẳng được thoải mái, bất toại nguyện hay là chẳng được vừa ý vì gây ra khó chịu.

*Lạc* = vui.

*Biến hoại*: *Biến* = thay đổi, chẳng giữ nguyên hình thể và bản chất; *Hoại* = hư hoại, bị tiêu diệt mất. *Biến hoại* là sự thay đổi đi đến sự tàn tạ và sự huỷ diệt.

*Quán* = quan sát kỹ lưỡng và tường tận, dùng trí huệ soi chiếu để tiến gần đến chơn lý.

Các tiểu đoạn từ 12) đến 16) chứng minh rằng *năm uẩn là vô thường, khổ, chịu sự biến hoại*, cho nên phải *quán* chúng (năm uẩn) chẳng phải là *của Ta, là Ta, là Tự ngã của Ta*.

*Quá khứ* = thời gian đã qua. *Quá* = đã qua; *Khứ* = đi.

*Vị lai* = thời gian sắp đến. *Vị* = chưa; *Lai* = đến.

*Hiện tại* = thời gian ngay trong lúc đang nói. *Hiện* = trước mặt đây; *Tại* = ở nơi này đây.

*Nội* = bên trong; *Ngoại* = bên ngoài.

*Thô* = thô sơ, vụng về; *Tế* = tế nhị, khéo léo.

*Liệt* = hạ liệt, dở, xấu, thua kém; *Thắng* = ưu thắng, tốt, hơn.

*Như thật quán*: quán đúng theo sự thật là như thế. *Như thật quán* tức là vừa quán sát vừa suy gẫm theo đúng như sự thật.

*Chánh trí huệ* = trí thông minh chơn chánh, tức là trí hiểu biết đúng đắn, sáng suốt, theo sát với chánh đạo và chơn lý.

Các tiểu đoạn từ 17) đến 21) xét về mười một phương diện của mỗi uẩn, quán sát chúng thật kỹ lưỡng đúng như sự thật và đi đến kết luận năm uẩn *chẳng phải là của Ta, là Ta, là Tự ngã của Ta*.

*Da văn Thánh đệ tử*: người đệ tử (= học trò) của bậc Thánh, biết nghe nhiều. *Da* = nhiều; *Văn* = nghe; *Thánh* = bậc tu hành đã giải thoát khỏi vòng sanh tử; *Đệ* = em; *Tử* = con.

*Yếm ly*: *Yếm* = chán ghét; *Ly* = lià xa. Khi nói "người đó có vẻ *yếm thế* quá!", ta muốn nói, đó là người chán đời, hay bi quan. Ở đây, *yếm ly* chỉ đến tâm trạng của người tu hành thấy thân tâm này gây đau khổ, bệnh hoạn cho ta, nên trong tâm khởi lên sự *nhàm chán* đối với thân tâm, chẳng còn tìm cầu các thú vui vật chất cho thân tâm nữa.

*Ly tham*: *Ly* = lià xa; *Tham* = ham muốn quá lắm. Người *ly tham* là người dứt bỏ được các dục vọng (= các ham muốn), đẹp được sự bám níu vào các thú vui vật chất cho thân tâm.

*Tham* là một món độc, trong *tam độc*: *tham, sân, si*. (= ba mỗi độc lớn là *tham, giận và si mê*.)

*Giải thoát*: *Giải* = cởi mở khỏi chỗ bị ràng buộc; *Thoát* = vượt khỏi chỗ khổ sở. *Giải thoát*, ở đây, chỉ sự vượt khỏi các cuộc *sanh tử* khổ đau của cảnh tái sanh Luân hồi. (*Luân hồi*: *Luân* = bánh xe; *Hồi* = trở lại; *Luân hồi* là cảnh sanh ra, lớn lên rồi chết, để lại sanh ra, rồi chết nữa, cứ quay vòng vòng mãi chẳng ngừng.)

*Sanh đã tận*: chấm dứt sự tái sanh (= sanh trở lại.) (*Tận* = dứt, hết.)

*Phạm hạnh*: Hạnh tu thanh tịnh giữ tròn không dâm dục. *Phạm*, tiếng Pali là *Brahma*, là cõi Trời Sắc giới, chúng sanh trên đó chẳng còn lòng dục, sắc thân đẹp đẽ và thọ mạng rất lâu dài. (Chúng ta đang sống trong cõi Dục giới, thấp hơn.)

*Những việc nên làm đã làm*: đây tức là việc giải thoát khỏi mọi lậu hoặc (=sự thiếu sót, sai lầm hay phiền não) và sự chấm dứt cuộc tái sanh trong cõi Luân hồi.

*Không còn trở lui trạng thái này nữa*: tức là chẳng còn trong tình trạng phải tái sanh trong vòng Luân Hồi. Có thể hiểu trạng thái này là trạng thái *bất thoái chuyển*, nghĩa là chẳng hề lùi sụt trở lại nữa.

Tiểu đoạn 22) nêu rõ hiệu lực của Lý Vô Ngã: hành giả đã thông đạt Lý Vô ngã, thì trở nên yếm ly đối với thân tâm năm uẩn, lià xa tham ái và trở nên giải thoát.

*Thuyết* = nói.

*Hoan hỷ* = vui mừng.

*Tín thọ*: *Tín* = tin tưởng; *Thọ* = nghe nhận lời dạy.



*Lậu hoặc*: *Lậu* = rỉ chảy; *Hoặc* = điều sai lầm, thiếu sót. *Lậu hoặc* tức là các phiền não bên trong tâm, rỉ chảy ra ngoài bằng thái độ hay hành động. Ba *lậu hoặc* chánh là *tham, sân, si*.

*Chấp thủ*: *Chấp* = nắm giữ; *Thủ* = nắm trong tay. *Chấp thủ* là bám níu khư khư, cố giữ lấy thật chặt chĩa, chẳng hề chịu tháo gỡ hay cởi mở ra.

Tiểu đoạn 23) kết thúc bản Kinh Vô Ngã Tướng, nói lên hiệu lực của Kinh là khiến cho tâm của năm vị Tỷ kheo được giải thoát khỏi mọi lậu hoặc và từ bỏ sự chấp thủ.

\* \* \*

### *Xuất xứ*

Bản Kinh trên đây được trích từ *Đại Tạng Việt Nam*, thuộc *Tương Ưng Bộ Kinh, Quyển 3, Phẩm thứ Bảy: Tham luyến*, các trang từ 125 đến 129.

Bản Kinh này do Hoà Thượng Thích Minh Châu, Viện trưởng Viện Đại Học Vạn Hạnh Sài Gòn dịch. Kinh đã được kết tập trong *Tạng Pali*, bộ *Samyutta Nikaya*, quyển III, bản kinh số 66.

\* \* \*

[Đầu trang](#) | [Phần 1](#) | [Phần 2](#) | [Phần 3](#)

*Chân thành cảm ơn Cư sĩ Thiện Nhựt đã gửi tặng bản vi tính (Bình Anson, 01-2003)*

[\[Trở về trang Thư Mục\]](#)

*last updated: 06-02-2003*